

Bản án số: 58/2023/HS-ST

Ngày: 25/7/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà

Thẩm phán: Nguyễn Hải Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Khuông Văn Thông.

2. Ông Nguyễn Văn Thủy.

3. Ông Nguyễn Văn Thục.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoài Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Thân Văn Nhất - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 25/7/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ L số 38/2023/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXXST-HS ngày 15/6/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn Đ, sinh năm 1966; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn Sau, xã Đoan Bái, huyện H H, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn phổ thông: Lớp 6/12 . Nghề nghiệp: Tự do.

Bố: Trần Văn T, đã chết.

Mẹ: Hà Thị T, sinh năm 1938.

C sống như vợ chồng với: Lê Thị D, sinh năm 1966 (không đăng ký kết hôn).

C sống như vợ chồng: Đỗ Thị B, sinh năm 1967. (không đăng ký kết hôn).

Con: Có 02 con, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1994.

Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ 4.

Tiền án:

- Bản án số 14/HSST ngày 29/5/1996 của Tòa án nhân dân huyện H H xử phạt 18 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Đến nay Đ chưa bồi thường phần dân sự của bản án trên.

- Bản án số 148/2005/HSST ngày 16/11/2005 của Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” (chấp hành xong án phạt tù ngày 25/4/2011).

- Bản án số 08/2012/HSST ngày 29/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện H H xử phạt 10 năm tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy” (chấp hành xong án phạt tù ngày 29/8/2019).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Bản án số 49/HSST ngày 26/4/1989 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc xử phạt 36 tháng tù về hai tội “Cướp tài của công dân” và “Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Ngày 11/02/2020, Công an huyện H H, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính 750.000 Đ về hành vi “Đánh nhau”, nộp phạt ngày 12/02/2020.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 23/9/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt tại phiên tòa)

- **Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Đ:** Ông Phạm Văn Bình- Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Phạm Xuân Anh- Đoàn luật sư tỉnh B. (Có mặt)

+ **Bị hại :** Ông Trần Văn L, sinh năm 1977 (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Đại Đ 1, xã Danh Thắng, huyện H H, tỉnh B. (Có mặt).

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Thôn Sau Nứa, xã Đoan Bái, huyện H H, tỉnh B.

+ **Người làm chứng:**

1. Ông Trần Văn L, sinh năm 1958. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Sau, xã Đoan Bái, huyện H H, tỉnh B.

2. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1981. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Sau, xã Đoan Bái, huyện H H, tỉnh B.

3. Bà Hà Thị T, sinh năm 1938. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Sau, xã Đoan Bái, huyện H H, tỉnh B.

4. Anh Trần Văn C, sinh năm 1992. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Sau, xã Đoan Bái, huyện H H, tỉnh B.

5. Anh Trần Văn Anh T, sinh năm 1979. (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Sau, xã Đoan Bái, huyện H H, tỉnh B.

NỘI D VU ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa, nội D vụ án như sau:

Khoảng hơn 18 giờ ngày 23/6/2022, ông Trần Văn L, sinh năm 1958, ở thôn Sau, xã Đoan Bái, huyện H H, tỉnh B có tổ chức ăn cơm, uống rượu tại nhà trong đó có các em ruột ông L là Trần Văn Đ, sinh năm 1966 ở cạnh nhà ông L (hai nhà có cổng C); Trần Văn L, sinh năm 1977, trú tại thôn Đại Đ 1, xã Danh Thắng, huyện H H và bà Ngô Thị N, sinh năm 1982 (vợ ông L), bà Hà Thị T (mẹ ông L). Đến khoảng gần 19 giờ 00 phút cùng ngày, có anh Trần Văn C, sinh năm 1992 là cháu họ ở gần nhà ông L đến chơi và được mời vào ăn uống cùng mâm, anh C ngồi giữa ông L và Đ. Trong lúc ăn uống, anh C nói chuyện với mọi người về việc ngày hôm sau sẽ thuê máy múc để dọn dẹp vườn nhà anh C, nếu gia đình

ông L có nhu cầu thì anh C sẽ bảo máy móc phá bỏ bụi tre của gia đình ông L tại vị trí tiếp giáp vườn nhà anh C. Nghe vậy, Đ trả lời Đ ý về nội D trên, trong khi ông L chưa quyết định thì ông L có ý kiến nói chen vào là để cho ông L quyết định sau. Nghe vậy, Đ bức tức cho rằng ông L không tôn trọng ý kiến của Đ nên Đ chửi ông L, rồi cầm 02 chiếc đĩa chọc về phía mặt ông L thì anh C can ngăn. Thấy Đ và ông L xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên anh C đứng dậy xin phép ra về, sau đó ông L cũng đứng dậy ra về. Khi ông L điều khiển xe máy của mình đi chậm ra đến cổng thì Đ cầm 01 con dao nhọn ở mâm cơm (loại dao gọt hoa quả) trên tay phải, chạy đến vị trí phía trước bên trái đầu xe máy ông L, đâm một nhát trúng vào ngực bụng bên trái ông L. Do bị đâm, ông L dựng xe máy bước xuống nói “Con chó này mày cắn trộm à”, Đ thời nhặt 01 viên gạch thì Đ bỏ chạy vào trong sân nhà ông L. Ông L chạy theo ném viên gạch về phía Đ nhưng không trúng rồi tiếp tục đuổi theo. Đ cầm dao trên tay phải quay lại đâm một nhát về phía ông L nhưng không trúng, sau đó hai bên tiếp tục xô sát, giằng co nhau. Do bị thương, ông L bị Đ đè nằm xuống đất, tay trái ông L giữ tay cầm dao của Đ và gọi ông L ra cứu giúp. Ông L chạy đến gỡ con dao trên tay của Đ và ném ra gốc cây khế gần đó, sau đó hai bên dừng xô sát. Do bị thương, chảy nhiều máu nên ông L chạy bộ đến nhà anh Trần Văn Anh T, sinh năm 1979 ở gần nhà ông L. Ông L được anh T đưa đến sơ cứu tại Bệnh viện đa khoa Hùng Cường ở thị trấn Thắng, huyện H H, sau đó được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh B cấp cứu và điều trị đến ngày 28/6/2022 thì ra viện.

Sau khi nhận được tin báo, Công an xã Đoan Bái cùng chính quyền địa phương đã đến lập biên bản xác định hiện trường đã xác định: nơi xảy ra vụ án tại cổng đi vào nhà Trần Văn Đ và Trần Văn L (công C). Mặt cổng trái bê tông nứt vỡ, lồi lõm; cổng rộng 2,33 m, dài 13,30 m; trên sơ đồ thể hiện 02 vị trí:

Vị trí số 01 (nơi Đ dùng dao đâm ông L):

Phía Tây tiếp giáp với sân nhà Đ, cách cây khế nhà ông L 11 m; phía Đông tiếp giáp với trục đường L thôn, cách mép trong trụ cổng bên trái 2,30 m; phía Nam tiếp giáp với đường đi vào khu vực sân và gian nhà cấp 4 của ông L, cách mép tường nhà cấp 4 của ông L 09 m; phía Bắc tiếp giáp với tường bao và công trình phụ nhà ông Túc bà Thư (hàng xóm).

Vị trí số 02 (nơi Đ vật ông L ngã xuống đất):

Phía Đông tiếp giáp với cổng đi vào và đối diện với đường L thôn, cách mép trong trụ cổng bên trái 2,30 m; phía Tây tiếp giáp với sân nhà Đ, cách cây khế 3,5 m; phía Nam tiếp giáp với sân và vườn nhà ông L, cách mép ngoài sân 3,3 m; phía Bắc tiếp giáp với tường bao nhà ông Túc bà Thư, cách tường bao 10 m; Vị trí số 01 cách vị trí số 02 là 7,5 m.

Ngày 24/6/2022, ông Trần Văn L giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 con dao nhọn (loại dao dùng để gọt hoa quả), có tổng chiều dài là 22 cm; phần chuôi dao bằng nhựa dài 10 cm; phần lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có một lưỡi sắc dài 12 cm, bản dao vị trí rộng nhất là 02 cm; mũi dao tiết diện hình chữ V (nhọn).

Ông L xác nhận là con dao mà Đ dùng đâm ông L tối ngày 23/6/2022 tại cổng nhà ông L (BL 93).

Tại Giấy chứng nhận thương tích ngày 05/7/2022, Bệnh viện đa khoa tỉnh B xác nhận tình trạng thương tích của ông Trần Văn L: Vào viện lúc 21 giờ 20 phút ngày 23/6/2022; ra viện ngày 28/6/2022; chẩn đoán: Vết thương thấu ngực, bụng trái, vết thương thận trái; tình trạng thương tích lúc vào viện: Bệnh nhân tỉnh, tiếp xúc tốt; đau tức ngực, khó thở, nhịp thở 24 lần/ phút; vết thương có máu thấm, mở băng kiểm tra có vết thương khoảng 03 cm khoảng L sườn 10- 11 đường lách giữa, đang rỉ máu, xây sát khuỷu tay trái, gối trái; rò rỉ phế nang phổi trái; X-quang: dẫn lưu khoang màng phổi trái, hình liềm hơi dưới vòm hoành hai bên; Kết quả xét nghiệm mô bệnh học: ung thư biểu mô đường niệu dạng nhú không xâm nhập độ ác tính thấp, vết thương thận, thận đôi (BL 62).

Tại Bản kết luận giám định số: 919/22/TgT ngày 12/9/2022 của Trung tâm Pháp y, Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Thương tích vết sẹo dẫn lưu kích thước nhỏ ngực trái khoảng L sườn V đường nách giữa + Vết sẹo kích thước nhỏ khoảng L sườn X – XI bên trái trên đường nách giữa + Vết sẹo dẫn lưu kích thước trung bình vùng bụng trái + Vết sẹo mô kích thước lớn đường trắng giữa trên và dưới rốn + Vết sẹo dẫn lưu kích thước nhỏ vùng hố chậu trái + Trình tự phẫu thuật/Thủ thuật: Cắt bỏ thận trái. Trình tự phẫu thuật/Thủ thuật: Sonde dẫn lưu ra ít dịch và khí từ trong khoang màng phổi phải: 46%.

- Thương tích vết sẹo kích thước trung bình khuỷu tay trái: 2%.

- Thương tích chạm thương gối trái không còn dấu vết: 0%.

Tổng tỷ lệ thương tích theo phương pháp cộng của Thông tư số 22/2019/TT-BYT: $46 + 2\% + 0\% = 47\%$.

2. Kết luận:

Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư số: 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 47% (Bốn mươi B phần trăm).

- Vật, cơ chế gây thương tích:

+ Thương tích vết sẹo kích thước nhỏ khoảng L sườn X – XI bên trái trên đường nách giữa do vật sắc nhọn gây nên.

+ Thương tích vết sẹo kích thước trung bình khuỷu tay trái và thương tích chạm thương gối trái không còn dấu vết. Do trà sát gây nên.

+ Con dao gửi giám định gây được thương tích khoảng L sườn X – XI bên trái trên đường nách giữa (BL 54).

Tại Công văn số 19/BVĐK-TTPY ngày 28/3/2023 của Trung tâm Pháp y – Bệnh viện đa khoa tỉnh B cung cấp: Trên cơ thể ông Trần Văn L vùng ngực bụng bên trái có 01 vết thương thấu ngực bụng trái; chiều hướng hình thành vết thương: từ trên xuống dưới, từ trái sang phải, từ trước ra sau (BL 58).

Sau khi gây án, Đ bỏ đi khỏi địa phương, ngày 23/9/2022 bị Cơ quan điều tra Công an tỉnh B khởi tố, bắt tạm giam để điều tra về tội “Giết người”. Khi bắt tạm giam, cơ quan điều tra thu giữ của Đ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri: 350618546486916, máy cũ đã qua sử dụng, lắp 01 sim số 0347714237.

Việc thu giữ, tạm giữ vật chứng, đồ vật

- 01 con dao nhọn có đặc điểm mô tả nêu trên, được niêm phong đóng dấu của Trung tâm giám định Pháp y tỉnh B.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; số seri: 350618546486916. Máy cũ đã qua sử dụng. Lắp 01 sim số 0347714237, được niêm phong đóng dấu của Công an phường Dĩnh Kế, thành phố B. Các vật chứng được bảo quản tại kho vật chứng Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh B.

Tại cơ quan điều tra, Trần Văn Đ thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và nhận dạng đúng con dao Cơ quan điều tra thu giữ do ông L giao nộp là con dao Đ sử dụng để gây án.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKS- P2 ngày 09/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh B để xét xử bị cáo về tội “Giết người”, theo điểm n,p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bị cáo trình bày: Tại bữa cơm nhà ông L bị cáo có uống rượu và xảy ra xô xát với ông L. Bị cáo có hành vi dùng dao đâm ông Trần Văn L, sau đó được ông L can ngăn tước dao. Khi sự việc xảy ra trời tối bị cáo không biết ông L bị thương như thế nào, đến nay bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi ông L.

Bị hại là ông Trần Văn L có mặt tại phiên tòa và trình bày: Ông và bị cáo là anh em ruột. Sự việc xảy ra ngày 23/6/2022 tại nhà ông L là do mâu thuẫn trong khi nói chuyện, ông đã bị Đ cầm dao đâm vào người, hậu quả làm cho ông bị cắt một quả thận trái, sức khỏe của ông hiện rất yếu. Do là anh em trong gia đình nên ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì. Tuy nhiên, trước khi xét xử con trai bị cáo là anh Trần Văn Đ đã tự nguyện bồi thường cho ông số tiền 30.000.000Đ, ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đề nghị Hội Đ xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn Đ trình bày: Anh là con trai bị cáo Đ. Bị cáo đã tác động đến anh để bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000Đ. Đến nay bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Số tiền này là tiền của cá nhân tự nguyện khắc phục hậu quả cho bố. Anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố đối với bị cáo, và đề nghị:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 13 năm đến 13 năm 06 tháng tù về tội “Giết người”. Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự nên không xem xét giải quyết.

3. Về xử vật chứng: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 con dao nhọn (loại dao gọt hoa quả) tổng chiều dài là 22 cm; phần chuôi dao bằng nhựa dài 10cm; phần lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có chiều dài 12cm; phần mũi dao tiết diện hình V (nhọn), vị trí rộng nhất của bản dao là 02 cm, một lưỡi sắc, lưng dao tiết diện bằng (dao đã cũ qua sử dụng) được niêm phong đóng dấu của Trung tâm giám định pháp y tỉnh B, là phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri: 350618546486916, máy cũ, lắp 01 sim số 0347714237, được niêm phong đóng dấu của Công an phường Dĩnh Kế, thành phố B, là điện thoại của bị cáo cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, còn đề nghị giải quyết về án phí, quyền kháng cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Đ trình bày tranh luận: Nhất trí với bản Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội trong trường hợp chưa đạt, bị hại cũng có lỗi một phần trong việc xảy ra xô xát, bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự và giảm hình phạt cho bị cáo. Đề nghị Hội Đ xét xử xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Đề nghị áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo từ 10 -11 năm tù. Về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

Bị cáo Đ Đ ý với quan điểm bào chữa của luật sư bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì.

Ông Trần Văn L tranh luận: Về hình phạt đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, về trách nhiệm dân sự không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Kiểm sát viên đối đáp với luật sư bào chữa cho bị cáo: Giữ nguyên quan điểm đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội Đ xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, người bào chữa và của những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội Đ xét xử nhận thấy như sau: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B, của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người làm chứng là ông Trần Văn L, bà Ngô Thị N, bà Hà Thị T, ông Trần Văn C, anh Trần Văn Anh T đã được tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra đã có lời khai của những người làm chứng này nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó Hội Đ xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1, Điều 292 và khoản 1, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội D bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, bản tự khai, biên bản kiểm tra, biên bản khám xét, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định vật chứng, lời khai của bị hại, và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 23/6/2022, tại khu vực cổng nhà ông Trần Văn L ở thôn Sau, xã Đoan Bái, huyện H H, tỉnh B (C cổng với nhà bị can Đ), do mâu thuẫn trong lúc ăn cơm, uống rượu, Trần Văn Đ đã có hành vi dùng 01 con dao nhọn (loại dao gọt hoa quả) dài 22 cm, là hung khí nguy hiểm đâm 01 nhát vào ngực bụng bên trái ông Trần Văn L (là vùng trọng yếu trên cơ thể); hậu quả làm ông L bị 01 vết thương thấu ngực bụng trái, phải cắt bỏ thận bên trái, tỷ lệ thương tích là 47% (Bốn mươi B phần trăm), ông L được đưa đi cấp cứu kịp thời nên không chết.

Hành vi phạm tội của bị cáo là coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, coi thường pháp luật. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt mà bị cáo đã thực hiện hành vi dùng dao đầu nhọn (là hung khí nguy hiểm) đâm 01 nhát vào ngực bụng bên trái ông Trần Văn L (là vùng trọng yếu trên cơ thể); hậu quả làm ông L bị 01 vết thương thấu ngực bụng trái, phải cắt bỏ thận bên trái, tỷ lệ thương tích là 47% (Bốn mươi bảy phần trăm), ông L được đưa đi cấp cứu kịp thời nên không chết, nên hành vi phạm tội của bị cáo là có tính chất côn đồ. Việc bị cáo không thực hiện được tội phạm đến cùng và ông L không chết là do khi bị bị cáo cầm dao đâm, ông L đã có hành động chống trả lại và có người khác ngăn cản. Điều này nằm ngoài ý chí chủ quan của bị cáo. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Văn Đ là phạm tội giết người thuộc trường hợp chưa đạt.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi phạm tội của bị cáo xâm hại tính mạng, sức khỏe của người khác. Bị cáo Đ đã có 03 tiền án. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Giết người" với tình tiết tăng nặng định khung "Có tính chất côn đồ", "tái phạm nguy hiểm" vi phạm điểm n, p khoản 1 Điều 123 của Bộ luật hình sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị đưa ra xét xử nhưng không lấy đó là bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Tại Bản án số 49/HSST ngày 26/4/1989 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Bắc xử phạt bị cáo 36 tháng tù về hai tội "Cướp tài của công dân" và "Trộm cắp tài sản của công dân". Ngày 11/02/2020, Công an huyện H H, tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính Trần Văn Đ 750.000 Đ về hành vi "Đánh nhau", nộp phạt ngày 12/02/2020.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị truy tố tình tiết định khung nên không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; người bị hại đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về căn cứ quyết định hình phạt, Hội Đ xét xử thấy:

Từ những phân tích trên, đánh giá về nhân thân, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội Đ xét xử thấy bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân nên cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cách ly bị cáo với xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa C cho loại tội phạm này. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt; nên khi quyết định hình phạt áp dụng theo quy định tại Điều 15, Điều 57 Bộ luật hình sự năm 2015

[6]. Do bị cáo đang bị tạm giam nên cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

Ông L không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường, Đ thời có Đơn xin miễn giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên HĐXX không xem xét.

[8] Về xử L vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 con dao nhọn (loại dao gọt hoa quả) tổng chiều dài là 22 cm; phần chuôi dao bằng nhựa dài 10cm; phần lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có chiều dài 12cm; phần mũi dao tiết diện hình V (nhọn), vị trí rộng nhất của bản dao là 02 cm, một lưỡi sắc, lưng dao tiết diện bằng (dao đã cũ qua sử dụng) được niêm phong đóng dấu của Trung tâm giám định pháp y tỉnh B, là phương tiện dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri: 350618546486916, máy cũ, lắp 01 sim số 0347714237, được niêm phong đóng dấu của Công an phường Dĩnh Kế, thành phố B, là điện thoại của bị cáo cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15; Điều 57; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Đ 13 (Mười ba) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 23/9/2022.

2. Về xử L vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) con dao nhọn (loại dao gọt hoa quả) tổng chiều dài là 22 cm; phần chuôi dao bằng nhựa dài 10cm; phần lưỡi dao bằng kim loại màu trắng có chiều dài 12cm; phần mũi dao tiết diện hình V (nhọn), vị trí rộng nhất của bản dao là 02 cm, một lưỡi sắc, lưng dao tiết diện bằng (dao đã cũ qua sử dụng) được niêm phong đóng dấu của Trung tâm giám định pháp y tỉnh B.

- Trả lại bị cáo: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số seri: 350618546486916, máy cũ, lắp 01 sim số 0347714237, được niêm phong đóng dấu của Công an phường Dĩnh Kế, thành phố B, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng của vụ án được chuyển giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh B theo Quyết định chuyển vật chứng số 25/QĐ- VKS-P2 ngày 09/5/2023 và Biên bản giao nhận vật ngày 18/5/2023 giữa Phòng cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp và Cục thi hành án dân sự tỉnh B).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Văn Đ phải chịu 200.000Đ (Hai trăm nghìn Đ) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B
- Bị cáo, người bào chữa;
- Người TGT;
- Lưu HS, TT.

**T.M HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

THẨM PHÁN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà

